

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lưu Thị Hồng Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Chu Thị Tuyết và ông Nguyễn Quang Đạt.

Căn cứ:

- Điều 147, Điều 213, Điều 235 và Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 8 và khoản 9 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

**XÉT THẤY:**

Tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 20/2024/TLST - KDTM ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng nguyên tắc”. Thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giữa:**

- **Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần T3; địa chỉ: xóm C, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Hà L - chức danh: giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Thành T (theo Văn bản ủy quyền số 0012/2023/VBUQ ngày 01/12/2023 của ông Đào Hà L).

- **Bị đơn:** Công ty Cổ phần X; địa chỉ: tầng F, tòa nhà D, số D L, phường N, quận T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Vũ A - chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang T1 và bà Nguyễn Thị Quỳnh T2 (theo Giấy ủy quyền số 14/2024/UQ - LGF ngày 26/8/2024 của ông Lê Vũ A).

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về nghĩa vụ trả nợ và lộ trình trả nợ:** Công ty Cổ phần T3 và Công ty Cổ phần X xác nhận: Công ty Cổ phần X phải thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán của Hợp đồng nguyên tắc số 01/tmhn-LG/2021 và Hợp đồng mua bán số

1001/TMHN-LG/2022 về việc mua bán sắt thép là: 298.492.601 đồng (hai trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm linh một đồng). Công ty Cổ phần T3 và Công ty Cổ phần X thống nhất Công ty Cổ phần X sẽ trả số tiền lãi là 200.000.000 đồng, theo kỳ hạn thanh toán sau:

- Kỳ 1: thanh toán 50.000.000 đồng, muộn nhất vào ngày 30/09/2024;
- Kỳ 2: thanh toán 50.000.000 đồng, muộn nhất vào ngày 30/10/2024;
- Kỳ 3: thanh toán 50.000.000 đồng, muộn nhất là ngày 30/11/2024;
- Kỳ 4: thanh toán 50.000.000 đồng, muộn nhất là ngày 30/12/2024;

Trường hợp Công ty Cổ phần X thanh toán đúng, đủ số tiền theo các kỳ hạn trên thì Công ty Cổ phần X được miễn số tiền lãi còn lại là 98.492.601 đồng.

Trường hợp Công ty Cổ phần X vi phạm bất kỳ một kỳ thanh toán nào nêu trên thì Công ty Cổ phần X phải trả đủ số tiền là: 298.492.601 đồng (không được miễn 98.492.601 đồng). Công ty cổ phần T3 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành ngay toàn bộ số tiền 298.492.601 đồng ngay sau khi Công ty Cổ phần X vi phạm thỏa thuận này (trừ đi số tiền đã thanh toán theo thỏa thuận này).

## **2.2. Về án phí:**

- Các bên thỏa thuận Công ty Cổ phần X chịu 14.924.630đ (mười bốn triệu, chín trăm hai mươi tư nghìn, sáu trăm ba mươi đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Trả lại Công ty Cổ phần T3 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.642.000đ (chín triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012964 ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

### ***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Viện KSND quận Thanh Xuân;
- TAND TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Thanh Xuân;
- Lưu HS.

**THẨM PHÁN**

**Lưu Thị Hồng Vân**

**Lưu Thị Hồng Vân****Hướng dẫn sử dụng mẫu số 41-DS:**

(1) Ghi tên Toà án ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Toà án ra quyết định là Toà án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh, (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST- HNGĐ).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại khoản 1 Điều 214 của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: Xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà chưa có cá nhân kế thừa quyền và nghĩa vụ trong tố tụng của cá nhân đó quy định tại điểm a khoản 1 Điều 214 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(4) Ghi số, ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số: 50/2017/TLST-KDTM).

(5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).

(9) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá